

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Hiền

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI
TRƯỜNG PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Bùi Thị Hiền

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Hiền

Mã SV: 1312401149

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Vận tải Trường Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Vận tải Trường Phát
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Vận tải Trường Phát.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Vận tải Trường Phát, sử dụng số liệu năm 2016.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Vận tải Trường Phát
 - Địa chỉ: Số 29 Ngô Kim Tài, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng..... năm ...

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm ...

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Lý luận chung về doanh thu	2
1.1.1 Khái niệm doanh thu	2
1.1.2 Nguyên tắc hạch toán doanh thu	2
1.1.3 Phân loại doanh thu	3
1.1.3.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	3
1.1.3.2 Doanh thu hoạt động tài chính	6
1.1.3.3 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.1.3.4 Thu nhập khác.....	9
1.2 Lý luận chung về chi phí.....	12
1.2.1 Khái niệm	12
1.2.2 Nguyên tắc hạch toán	12
1.2.3 Phân loại chi phí.....	12
1.2.4 Các loại chi phí sử dụng trong công ty	15
1.2.4.1 Chi phí giá vốn hàng bán	15
1.2.4.2 Chi phí quản lý kinh doanh	16
1.2.4.3 Chi phí tài chính	19
1.2.4.4 Chi phí khác	21
1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.4 Hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh	26
1.4.1. Hình thức Nhật ký chung.	26
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái.....	28
1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ.....	28
1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	28
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG PHÁT	30
2.1 Tổng quan về công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát .	30
2.1.1 Giới thiệu chung về công ty	30
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	31

2.1.3 . Mô hình tổ chức bộ máy của công ty	32
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH.....	33
1.6.3. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.	34
1.6.3.1 .Hình thức kế toán:	34
1.6.3.2 Hình thức sổ kế toán.....	34
2.2. Thực tế công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.....	36
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	45
2.2.2.1.Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty	45
2.2.2.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	45
2.2.2.3. Chứng từ kế toán sử dụng	45
2.2.2.4. Quy trình hạch toán	45
2.2.3. Kế toán quản lý kinh doanh tại công ty TNHH phát triển xây dựng Trường Phát	52
2.2.3.1 Nội dung.....	52
2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	52
2.2.3.3 Chứng từ kế toán sử dụng	52
2.2.3.4 Quy trình hạch toán	53
2.2.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	62
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	62
2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	62
2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	66
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	66
2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	66
2.2.7.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.	66
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG PHÁT	75
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.....	75
3.1.1. Kết quả đạt được :	75
3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :.....	75

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...	76
3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.	77
3.2.1 Thứ nhất: Chưa mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn	77
3.2.2 Thứ hai :Chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo doanh thu thuần.	77
3.2.3 Thứ ba : Chưa xây dựng về chiết khấu thanh toán cho khách hàng trả nợ trước dài hạn.....	77
3.2.4 Thứ tư: Chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán	77
3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.	77
3.3.1 Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán	77
3.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.	81
3.3.3 Giải pháp 3 : Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:	83
3.3.4 Giải pháp 4: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán.....	86
KẾT LUẬN	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng được với các quy luật của nền kinh tế và hoạt động đạt hiệu quả cao. Có được những thành tựu đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông phân phối và tiêu thụ, trong đó không thể không kể đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã mạnh dạn chọn và đi sâu nghiên cứu đề tài "Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát".

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô trong khoa và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Kết cấu bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Bùi Thị Hiền

CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Lý luận chung về doanh thu

1.1.1 Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của sở hữu.

1.1.2 Nguyên tắc hạch toán doanh thu

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.3 Phân loại doanh thu

1.1.3.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

➤ Khái niệm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán(công vận chuyên, chi phí lắp đặt,..)nếu có.

➤ Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2

5111- Doanh thu bán hàng hóa

5112- Doanh thu bán các thành phẩm

5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

5118- Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

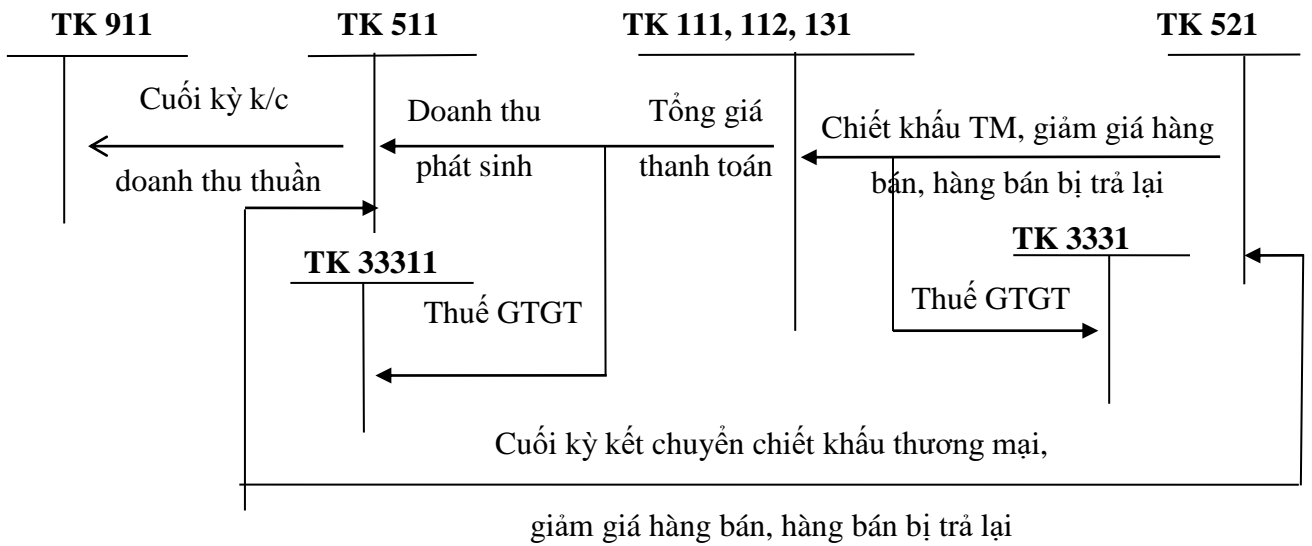
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

➤ Chứng từ sử dụng :

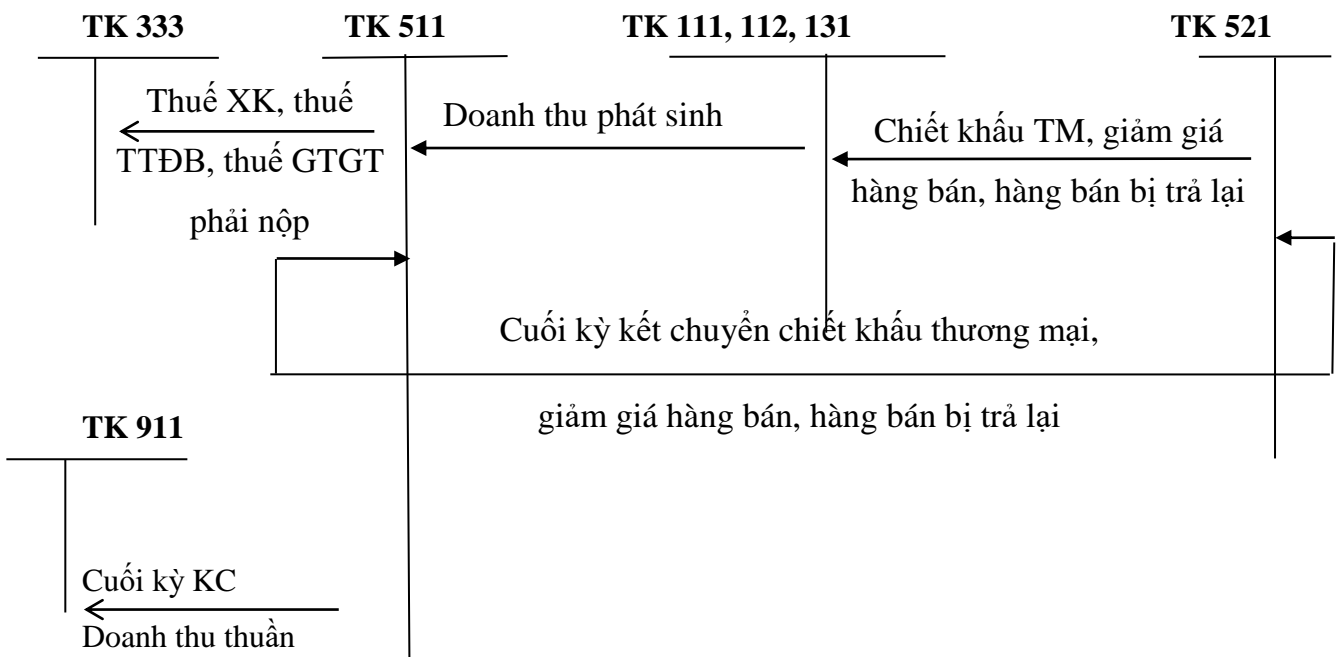
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán : phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

➤ Sơ đồ hạch toán :

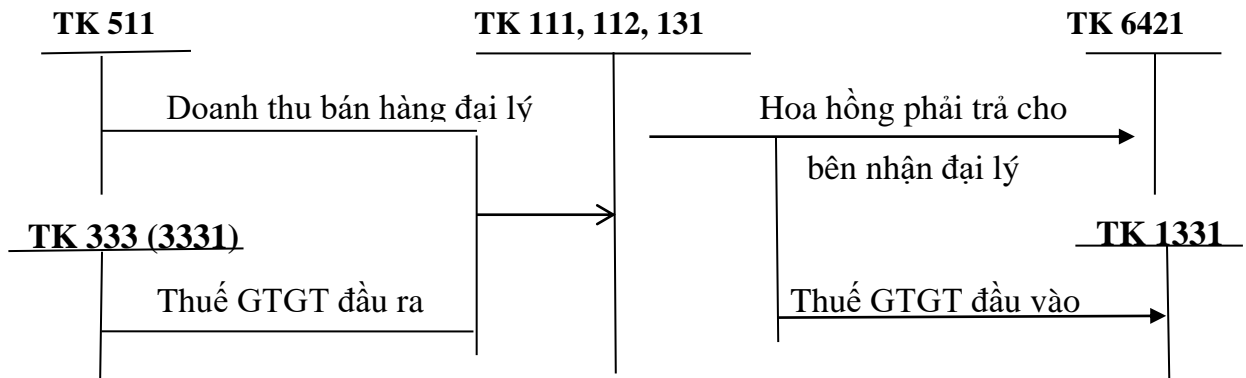
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



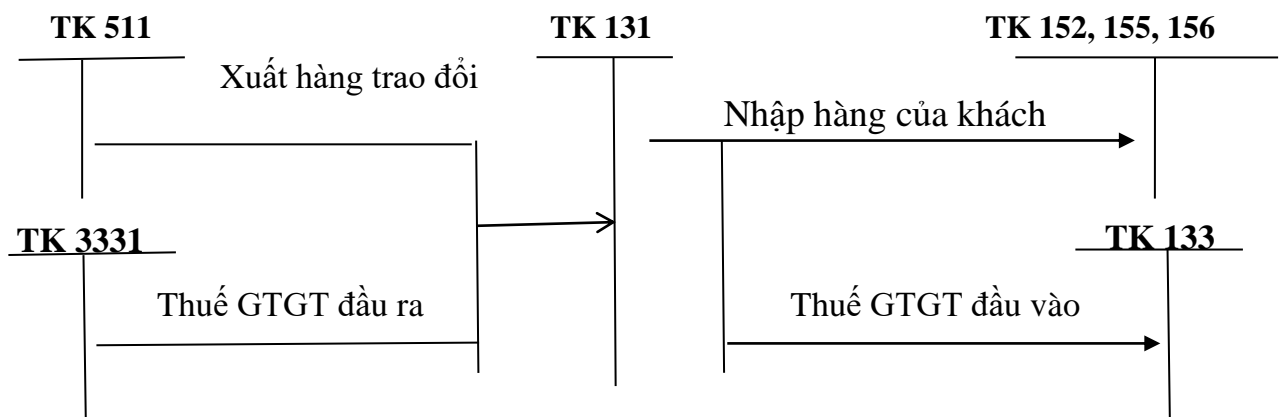
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.



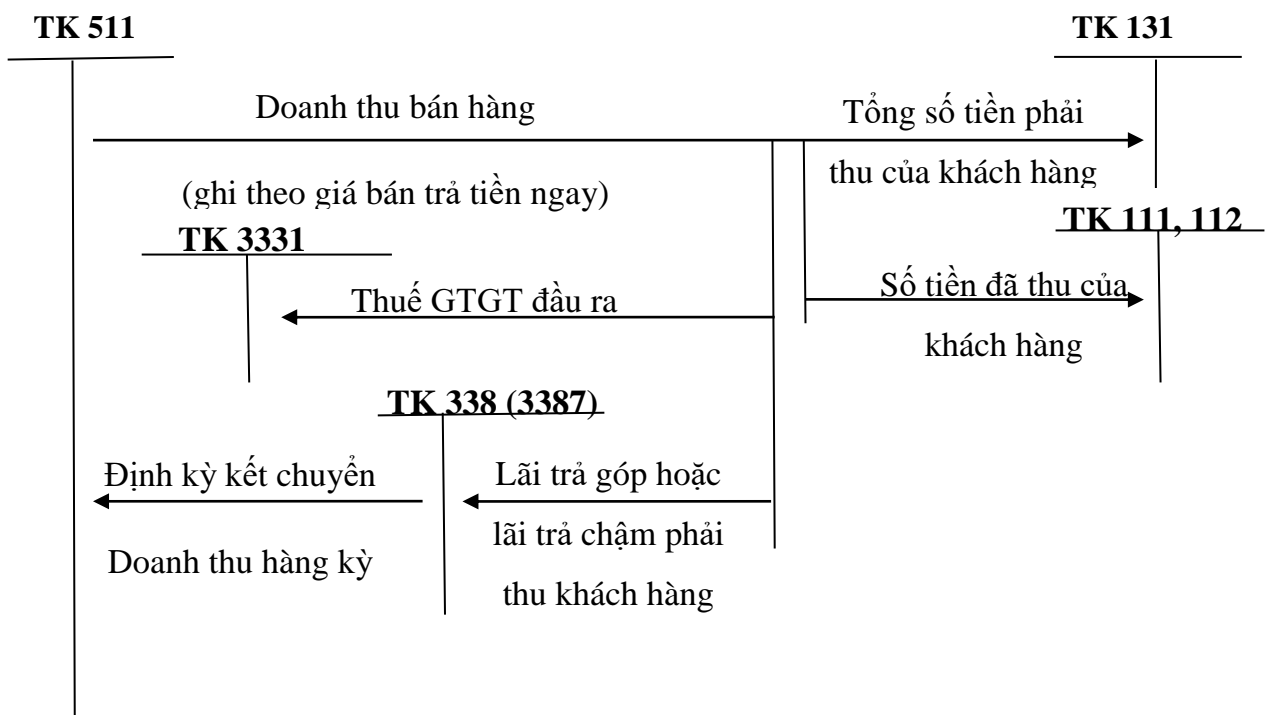
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.1.3.2 Doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Khái niệm:**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

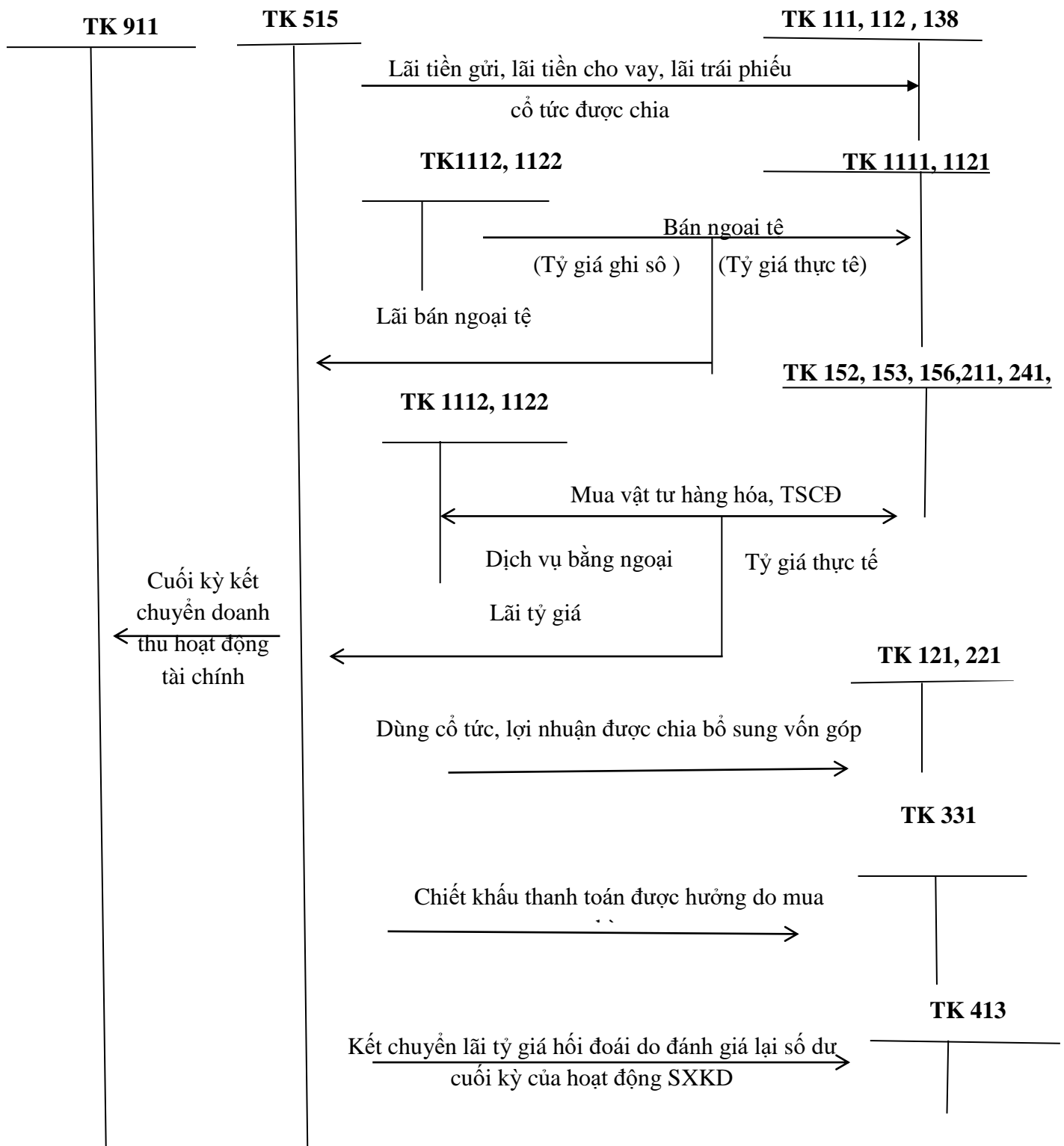
Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên danh, liên kết. - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ... 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có, giấy báo nợ
 - Phiếu thu, phiếu chi, các chứng từ khác có liên quan.

1.1.3.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

- Khái niệm
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản sử dụng:
Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2
5211- Chiết khấu thương mại
5212- Hàng bán bị trả lại
5213- Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

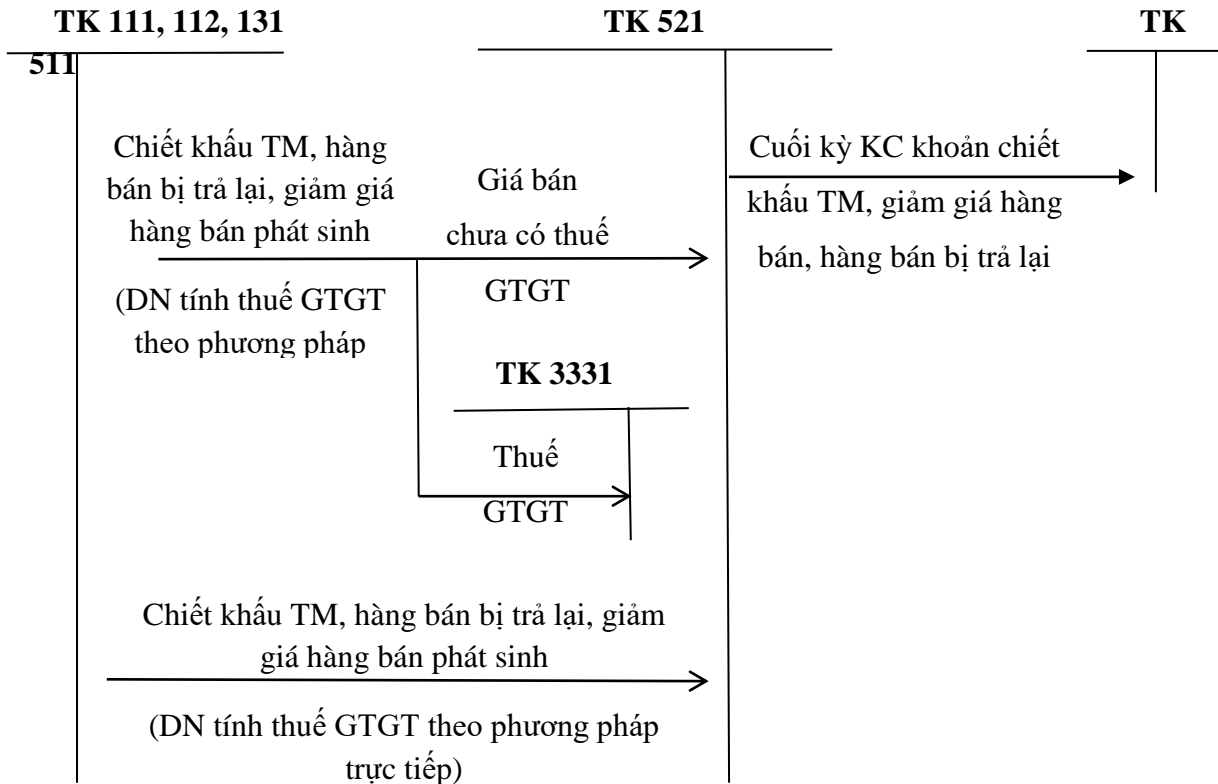
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 521 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

- Chứng từ sử dụng:
Hóa đơn GTGT
Phiếu chi
Giấy báo nợ
Các chứng từ khác có liên quan

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.1.3.4 Thu nhập khác

➤ Khái niệm:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu tiền các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Các khoản thu khác

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711- thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

➤ Chứng từ sử dụng:

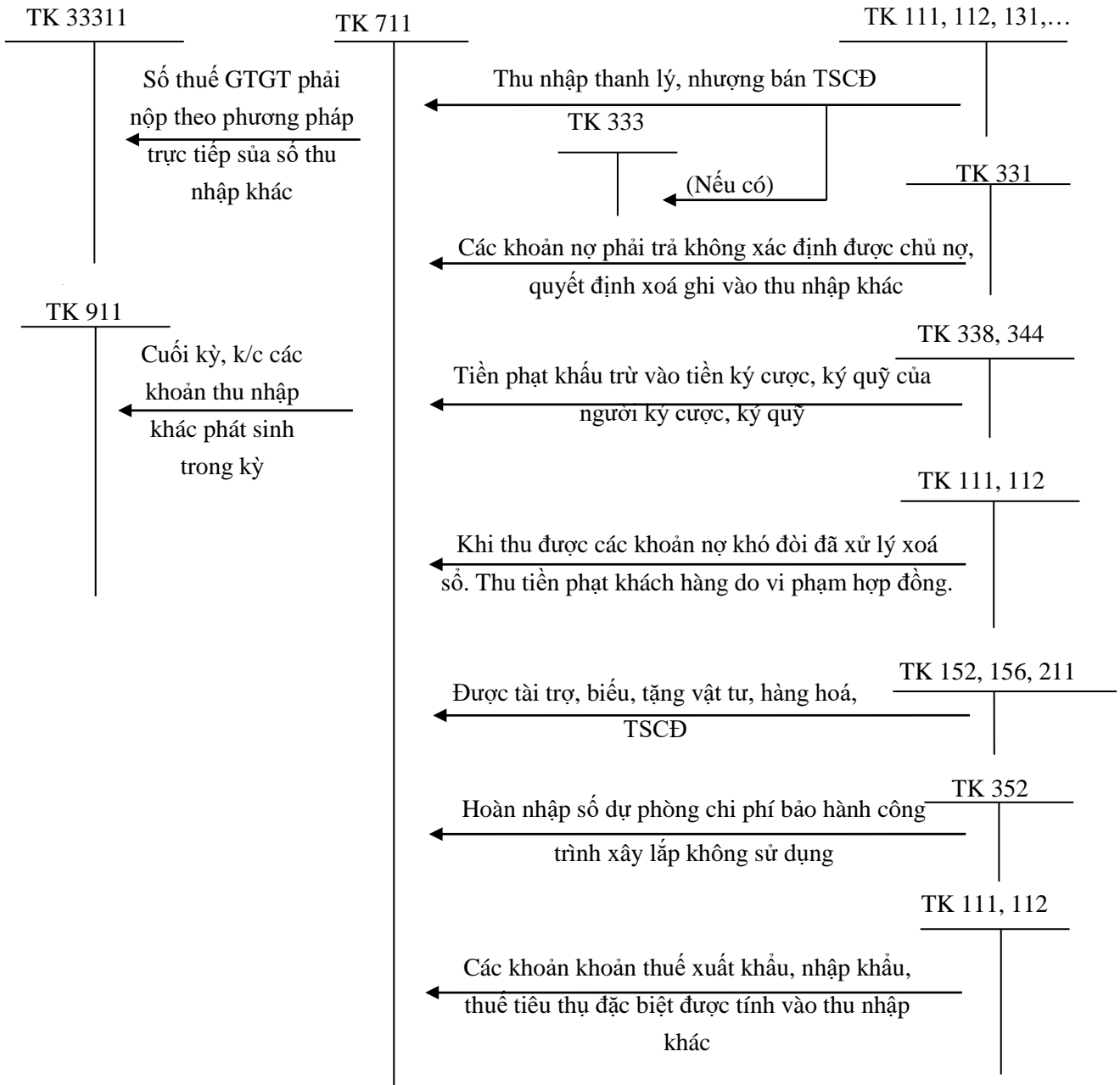
Phiếu thu , phiếu chi

Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng

Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.



1.2 Lý luận chung về chi phí

1.2.1 Khái niệm

- Chi phí là các khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

1.2.2 Nguyên tắc hạch toán

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch một cách trung thực hợp lý.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3 Phân loại chi phí

Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế

- **chi phí nguyên liệu, vật liệu:** bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, từng thay thế, công cụ, dụng cụ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán(loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- **chi phí nhân công**

Phản ánh tổng số tiền lương và phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên chức.

- Chi phí khấu hao máy móc thiết bị

Bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm các chi phí gắn liền với các dịch vụ mua từ bên ngoài cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp như giá dịch vụ điện nước, bảo hiểm tài sản nhà cửa, phương tiện, quảng cáo...

- Chi phí khác bằng tiền

Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài 4 yếu tố chi phí trên

Phân chi phí loại theo công dụng kinh tế

Chi phí của DN được chia ra các khoản mục sau đây:

- Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất bao gồm 3 khoản mục chi phí chủ yếu:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Là những chi phí bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu và vật liệu khác trực tiếp sử dụng cho việc sản xuất để tạo ra sản phẩm và dịch vụ.

Đặc điểm của nguyên vật liệu trực tiếp: chuyển hết giá trị một lần nào sản phẩm sau khi tham gia quá trình sản xuất và thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

+ Chi phí nhân công trực tiếp

- Phản ánh chi phí lao động trực tiếp để sản xuất ra sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong các DN.

- Thể hiện về chi lương trả theo sản phẩm và các khoản phải thanh toán cho nhân công trực tiếp sản xuất.

+ Chi phí sản xuất chung

- Chi phí sản xuất chung phản ánh những chi phí phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất của DN ngoài 2 loại chi phí nói trên.

Ba loại chi phí kể trên là những chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sản xuất và hình thành nên giá thành sản phẩm. Trong đó hai loại chi phí nguyên liệu và nhân công trực tiếp là những chi phí khả biến, còn chi phí sản xuất chung bao gồm cả chi phí khả biến và chi phí bất biến.

- Chi phí ngoài sản xuất

- Chi phí ngoài sản xuất bao gồm: những chi phí không gắn liền với việc tạo ra sản phẩm mà nó gắn liền với việc quản lý của Giám đốc sản xuất và đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

Nó bao gồm : chi phí quản lý kinh doanh.

+ Chi phí bán hàng

Chi phí này còn gọi là chi phí lưu thông, tiếp thị, phục vụ cho quá trình lưu thông hàng hóa, phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ cho gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển, giới thiệu, bảo hành sản phẩm... vv

+ Chi phí quản lý DN

Chi phí này phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm :

- Chi phí quản lý kinh doanh
- Chi phí quản lý hành chính
- Chi phí chung khác liên quan các hoạt động khác của doanh nghiệp

Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và quy mô SXKD

Gồm 2 loại: Chi phí cố định và chi phí biến đổi.

- Chi phí cố định :

Là chi phí không thay đổi (hoặc thay đổi không đáng kể) theo sự thay đổi qui mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Chi phí khấu hao TSCĐ,
- Chi phí tiền lương quản lý
- Lãi tiền vay phải trả
- Chi phí thuê tài sản , văn phòng

- Chi phí biến đổi :

Là các chi phí thay đổi trực tiếp theo sự thay đổi của qui mô sản xuất.

Bao gồm :

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí tiền lương công nhân sản xuất trực tiếp.

1.2.4 Các loại chi phí sử dụng trong công ty

1.2.4.1 Chi phí giá vốn hàng bán

➤ Khái niệm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

➤ Tài khoản sử dụng

Đối với nghiệp vụ kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632:

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> K/c giá vốn hàng bán bị trả lại. Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. K/c giá vốn hàng bán vào TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư

➤ Chứng từ sử dụng

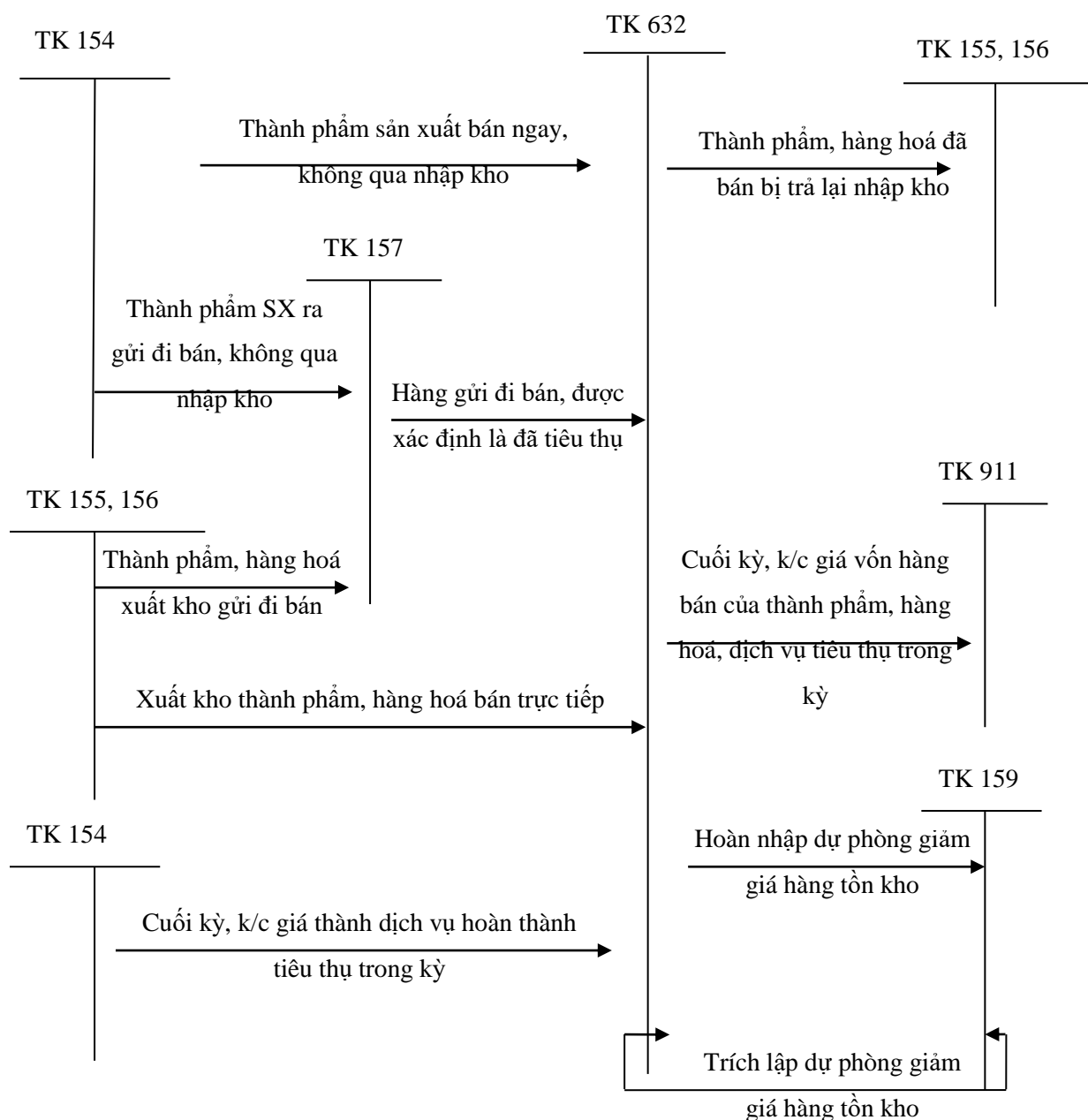
Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.

Phiếu xuất kho.

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.4.2 Chi phí quản lý kinh doanh

➤ Khái niệm:

- Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

➤ Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “ Chi phí bán hàng”
- TK6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Kết cấu tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
• Tập hợp chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.		• Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

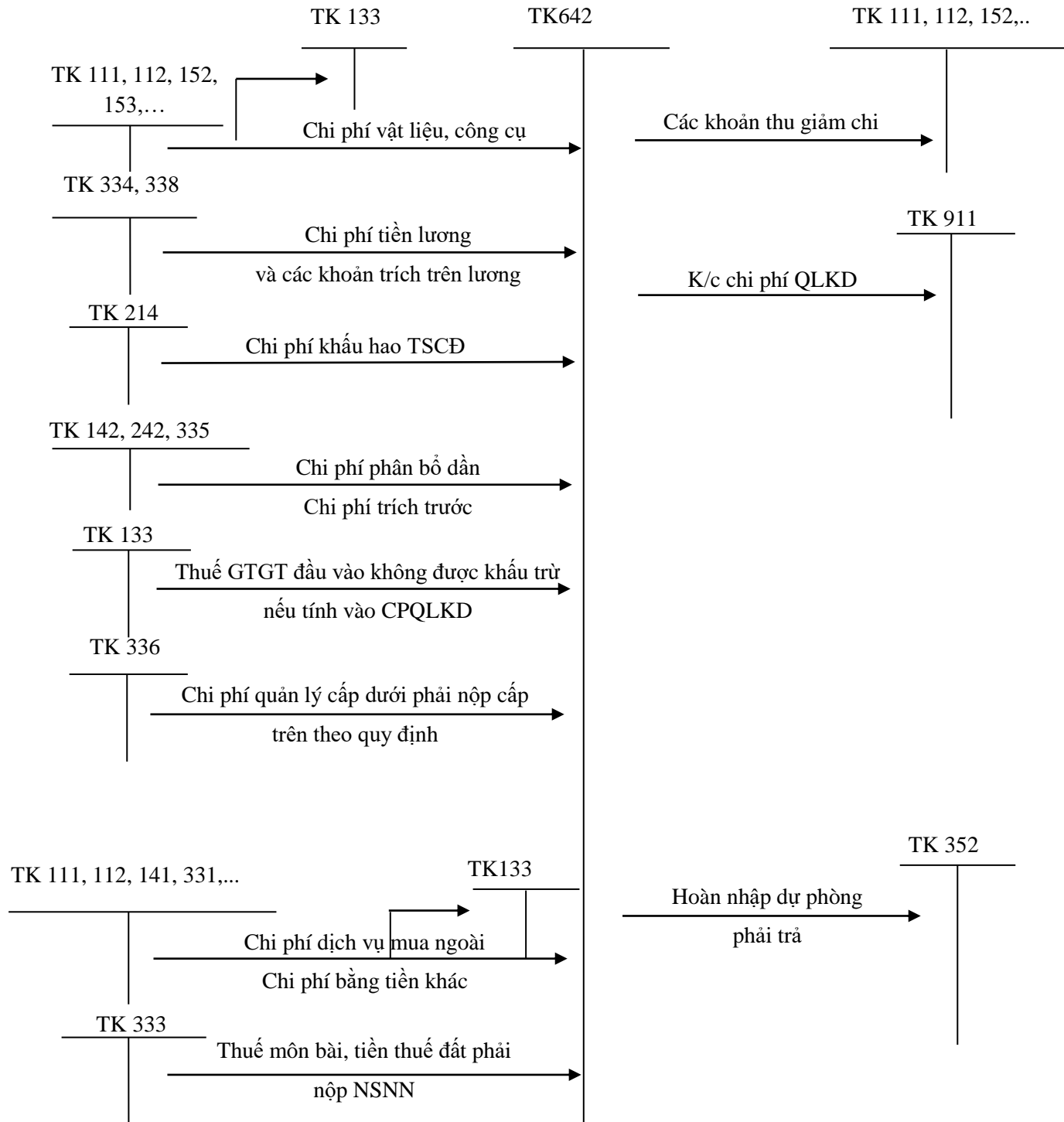
TK 642 không có số dư

➤ Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4.3 Chi phí tài chính

➤ Khái niệm

- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

➤ Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	TK635	Có
- Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.		- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư

➤ Chứng từ sử dụng

- Giấy bảo lãnh, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

➤ Sơ đồ hạch toán

1.2.4.4 Chi phí khác

➤ Khái niệm:

Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

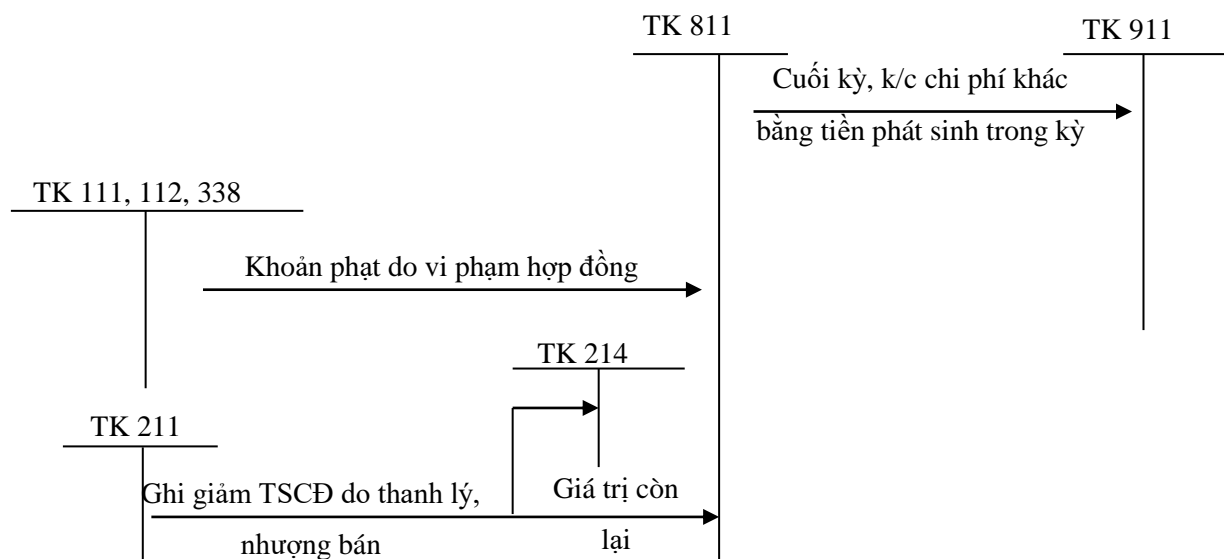
TK 811 không có số dư

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

➤ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán chi phí khác



Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

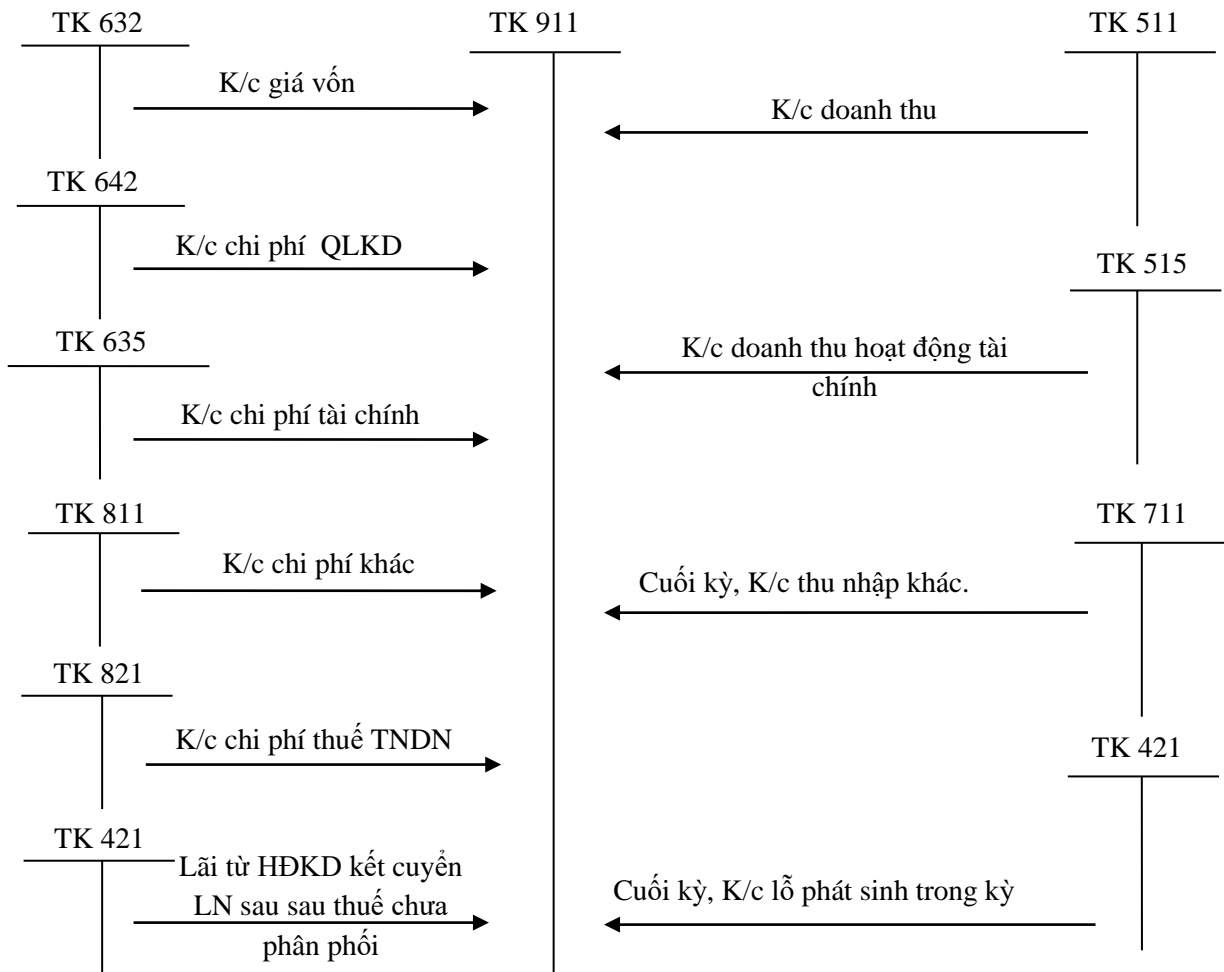
Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư

➤ Nguyên tắc hạch toán

Sơ đồ 1.13 Nguyên tắc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh



1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh

➤ **Khái niệm:**

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

➤ **Phân loại**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng} \\ \text{và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận tài} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu tài chính} \\ \text{hoàn thu nhập khác và} \\ \text{các khoản chi phí khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{khác} \end{array}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:* là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{r} \text{Tổng lợi} \\ \text{nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{từ hoạt} \\ \text{động} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:* là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

- *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLKD, CP hoạt động tài chính, CP khác). - Kết chuyển lãi. - Kết chuyển CP thuế TNDN. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên 		<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ - Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

1.4 Hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để ghi chép và hệ thống hóa thông tin kế toán, mỗi doanh nghiệp sử dụng một loại hình thức sổ kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ cán bộ kế toán của doanh nghiệp.

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp có thể lựa chọn 1 trong các hình thức sau đây:

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: SX – TM – DV – XD có quy mô vừa và nhỏ

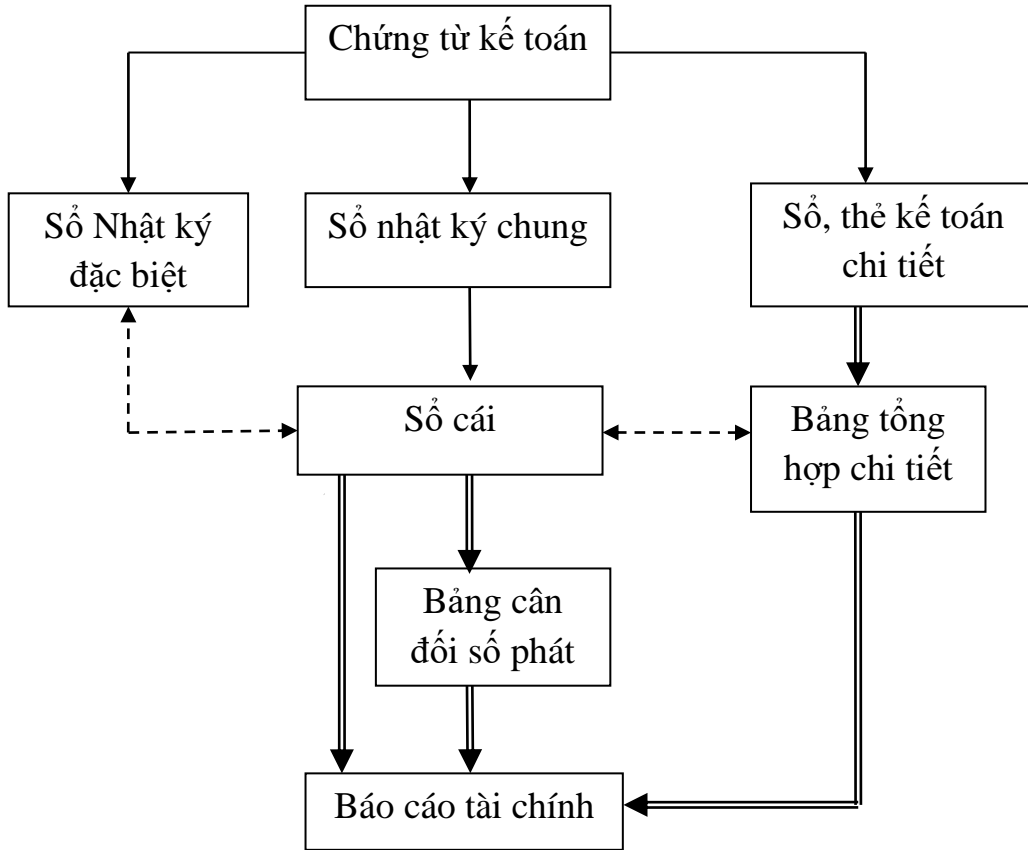
Ưu điểm:

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán

- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

Nhược điểm: Lượng ghi chép nhiều.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký- sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký- sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký- sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

Nhược điểm

Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp. Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm

1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy định ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký – chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây, Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, Nhật ký- sổ cái...) và các sổ,thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG PHÁT

2.1 Tổng quan về công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát

2.1.1 Giới thiệu chung về công ty

- Tên công ty : Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát
- Tên tiếng anh : TRUONG PHAT TRANSPORT AND CONSTRUCTION DEVELOPMENT COMPANY
- Địa chỉ : số 903A Nguyễn Văn Linh- Phường Nghĩa Xá- Q.Lê Chân- Hải Phòng
- Mã số thuế : 0201714170
- Vốn điều lệ : 4.800.000.000
- Số điện thoại : 031.3600285
- Fax : 0313633939
- Người đại diện pháp lý : Nguyễn Trọng Ánh
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH một thành viên
- Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát bắt đầu hoạt động vào ngày 18 tháng 2 năm 2015.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201714170 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Năm 2015 Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

- Năm 2016 công ty mở rộng kinh doanh và có thêm các ngành kinh doanh khác.

-Hiện tại, công ty đang ngày càng phát triển và ngày càng có uy tín trên thị trường.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

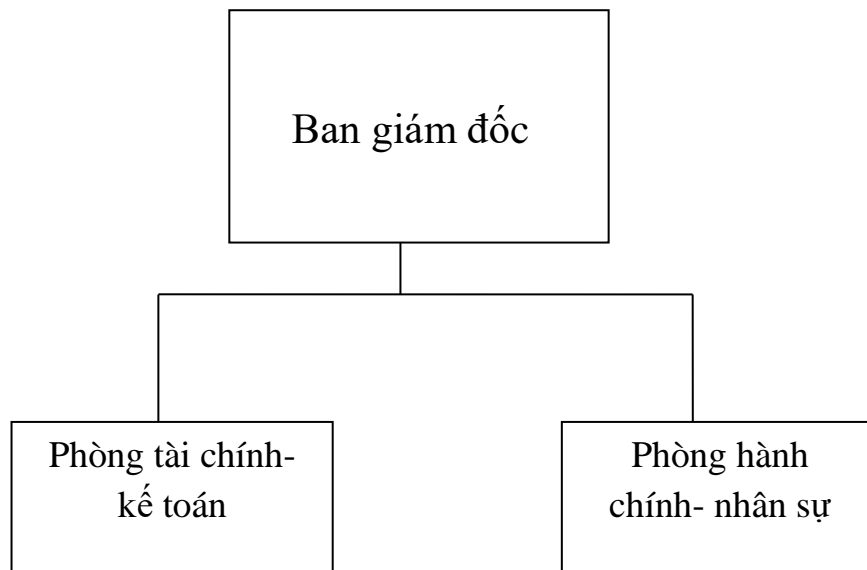
- Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát , sỏi , đất sét.	4210
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	5022
3	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	5210
4	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	5221
5	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	5222
6	Sản xuất bao bì bằng gỗ	5224
7	In ấn	5229
8	Dịch vụ liên quan đến in ấn	0810
9	Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su	22110
10	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	1104
11	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	14100
12	Gia công cơ khí. Xử lý và tráng phủ kim loại	1610
13	Sản xuất máy chuyên dụng khác	16210
14	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	16230
15	Khai thác , xử lý và cung cấp nước	18110
16	Xây dựng nhà các loại	18120
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4933
18	Xây dựng công trình công ích	4922
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	23920
20	Phá dỡ	23960
21	Chuẩn bị mặt bằng	25920
22	Hoàn thiện công trình xây dựng	2829
23	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	33150
24	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	36000
25	Vận tải hành khách đường bộ khác	41000
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	42200
27	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	42900

28	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	43110
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	43120
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	43300
31	Bốc xếp hàng hóa	43900
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	4931
33	Đại lý du lịch	79110

2.1.3 . Mô hình tổ chức bộ máy của công ty

Để thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ của mình thì việc xây dựng bộ máy tổ chức quản lý cũng như phân công nhiệm vụ của các bộ phận luôn được công ty quan tâm xây dựng và đổi mới sao cho phù hợp với đặc điểm quản lý, hạch toán kinh doanh của công ty nhằm khai thác mọi hiệu quả tiềm năng và thế mạnh.



**Chức năng của từng phòng ban:*

Ban giám đốc công ty:

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý , các hoạt động kinh doanh , chính sách nhân sự, tài chính.
- Thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với nhà nước.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán:

- Thực hiện các nghĩa vụ kế toán ,cân đối tài khoản, tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày.

- Cung cấp, quản lý thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

-Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

Phòng Hành chính – Nhân sự:

-Quản lý nhân sự, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự , sắp xếp công việc phù hợp với nhân viên.

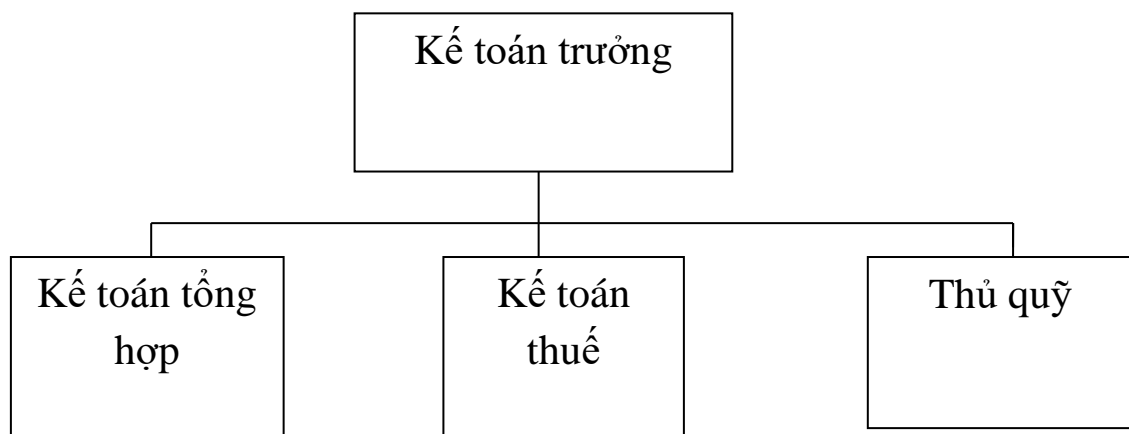
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

Kế toán trưởng:

Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán

cung cấp, phân công trách nhiệm và chỉ đạo nhiệm vụ cho nhân viên kế toán thực hiện các chứng từ, báo cáo.

Kế toán thuế:

Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách.

Kế toán tổng hợp:

Có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên. Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp.

Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới trước khi báo cáo lên kế toán trưởng

Thủ quỹ:

Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê kiểm tra số tồn quỹ, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có.

1.6.3. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

1.6.3.1 .Hình thức kế toán:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo **hình thức Nhật ký chung**
 - Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
 - Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
 - Phương pháp khấu hao TSCD đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
 - Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân liên hoàn
 - Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

1.6.3.2 Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

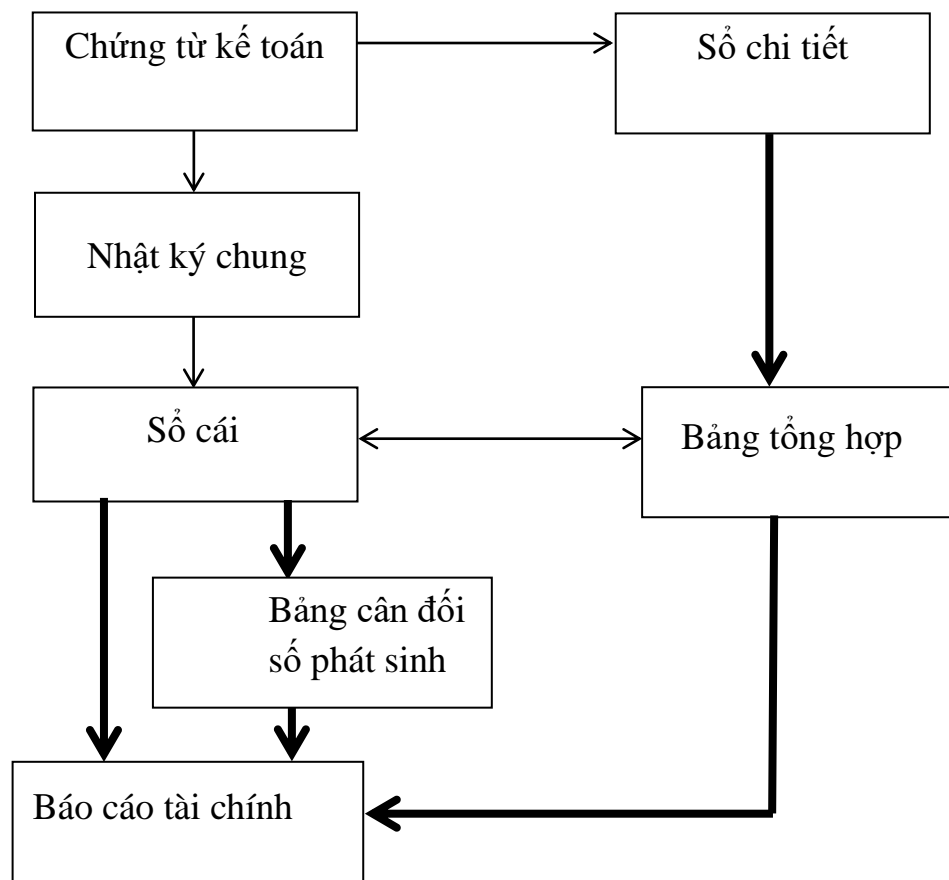
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung dựa trên các chứng từ kế toán : hóa đơn , phiếu thu, phiếu

chi..., theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ hạch toán hệ toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Kiểm tra, đối chiếu ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký

chung , các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các

2.2. Thực tế công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng là phương thức trực tiếp

➤ Tài khoản sử dụng

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 333- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

TK 131- Phải thu của khách hàng

TK 111- Tiền mặt

TK 112- tiền gửi ngân hàng

➤ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.

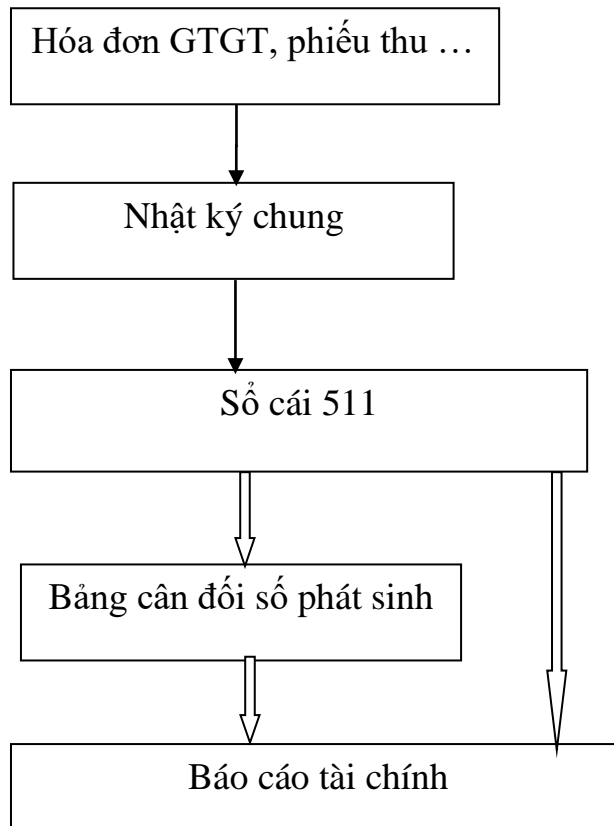
- Hóa đơn GTGT

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có, ủy nhiệm thu.....

- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú

Ghi hàng ngày : →

Ghi định kỳ : ⇨

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000713

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Gạch đặc	Viên	10.000	1000	10.000.000
Cộng tiền hàng:					10.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					11.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu đồng chẵn /					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát

Mã số thuế: 0201714170

Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài- ph. Kênh Dương- Q.Lê Chân- Hải Phòng

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: ...Công ty Cp tư vấn phát triển Sông Hồng.....

Mã số thuế:.....0102981048.....Điện thoại:

Địa chỉ: số 131, Phố Trường Lâm, tổ 7.p Đức Giang.q Long Biên, Tp Hà Nội

Hình thức thanh toán: Tiền Mặt.....; Số tài khoản:.....

(Nguồn số liệu: công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát)

Biểu số 2.2: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát Địa chỉ: số 29 Ngõ Kim Tài, P Kênh Dương, Q.Lê Chân, HP	Mẫu số: 01 - TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC) Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) Số: ...PT000130..... Nợ1111:11.000.000 Có 511: 10.000.000 Có 3331: 1.000.000			
PHIẾU THU Ngày 03 tháng 12 năm 2016.				
Họ và tên người nộp tiền: .. Công ty Cp tư vấn phát triển Sông Hồng.....				
Địa chỉ: số 131 phố Trường Lâm, tổ 7,p Đức Giang,q Long Biên ,TP Hà Nội.....				
.....				
Lý do nộp: ...trả tiền mua gạch đặc.....				
Số tiền:11.000.000.....				
(Viết bằng chữ):Mười một triệu đồng chẵn/.....				
Kèm theo:HĐ0000713...				
Ngày 03 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu đồng chẵn.				

(Nguồn số liệu: công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát)

Ví dụ 2.2 ngày 07/12/2016 bán 358 m³ đất núi giá vốn là 130.000 đồng , giá bán 150.000đồng (chưa thuế 10%) chưa thanh toán
Định khoản

- a. Nợ TK 632: 46.540.000
 Có TK 156: 46.540.000
- b. Nợ TK 131: 59.070.000
 Có TK 511: 53.700.000
 Có TK 3331: 5.370.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000721 (**biểu số 2.3**), kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.4**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.5**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000721

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Đất núi	M ³	358	150.000	53.700.000
Cộng tiền hàng:					53.700.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 5.370.00
Tổng cộng tiền thanh toán					59.070.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn /					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát)

Biểu số 2.4 :Tích số Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển XD Và VT Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài.p Kênh Dương, q Lê Chân,HP

(Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHU

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

03/12	PX 69	03/12	Giá vốn bán gạch đặc	632 156	6.600.000	6.600.000
03/12	HĐ713 PT130	03/12	Doanh thu bán gạch đặc	111 511 3331	11.000.000	10.000.000 1.000.000
07/12	PX 75	07/12	Giá vốn bán đất núi	632 156	46.540.000	46.540.000
07/12	HĐ721	07/12	Doanh thu bán đất núi	131 511 3331	59.070.000	53.700.000 5.370.000
...
			Cộng phát sinh		39.304.554.363	39.304554.363

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5 :Trích Sổ cái 511 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngõ Kim Tài,p Kênh Dương,Lê Chân,HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu:511

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
...
03/12	PT130	03/12	Bán gạch đặc đã thanh toán	111		10.000.000
...
07/12	HĐ 721	07/12	Bán đất núi chưa thanh toán	131		59.070.000
....
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng		6.166.846.010	
			Cộng số phát sinh		6.166.846.010	6.166.846.010
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có ..7.. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang .7...

- Ngày mở sổ: ..1/1/2016....

Ngày31tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập sẽ phải tính giá lại. Trị giá thực tế của hàng xuất kho sẽ được tính đúng theo đơn giá sau mỗi lần nhập hàng.

2.2.2.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các TK có liên quan khác.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632

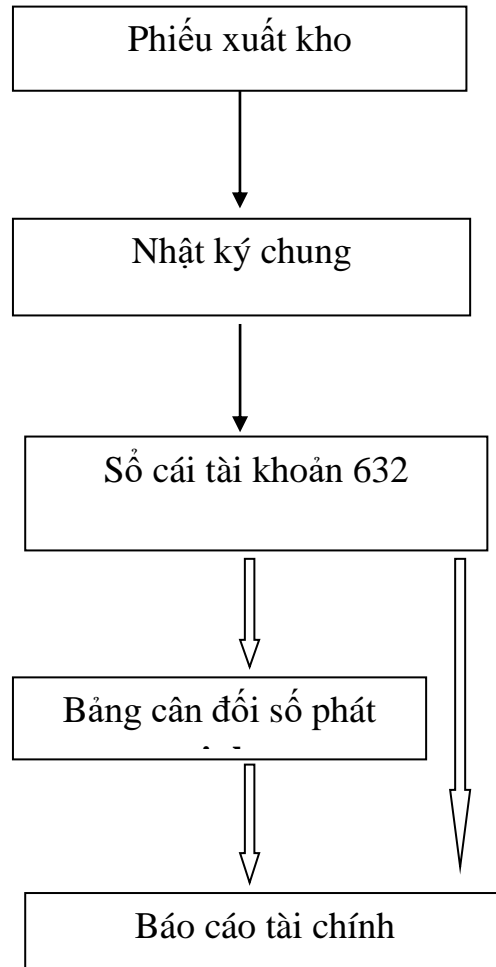
2.2.2.3. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao.
- Các chứng từ liên quan khác


2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 2.6: Trình tự kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

Ví dụ 2.3. Tiếp vd 2.1. Ngày 03/12 công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo hóa đơn 713

Đơn giá xuất kho gạch đặc

-Đầu tháng 12 tồn đầu kỳ 8.000 viên với đơn giá 600đ/viên

- Ngày 2/12 nhập 12.000 viên với đơn giá 700đ/viên

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{8000\text{viên} \times 600\text{đ/viên} + 12000\text{viên} \times 700\text{đ/viên}}{8000\text{viên} + 12000\text{viên}} = 660\text{đ/viên}$$

Định khoản

Nợ TK 632 : 6.600.000

Có TK 156: 6.600.000

Ví dụ 2.4 Tiếp theo vd 2.2. Ngày 07/12 công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo hóa đơn 0000721. Ở thời điểm hiện tại còn tồn 358m³ đất với đơn giá 130.000đ/m³ và chưa nhập thêm lô đất núi nào.

Định khoản

Nợ TK 632 : 46.540.000

Có TK 156 : 46.540.000

Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 69 (**biểu số 2.6**), 75 (**biểu số 2.7**).

Cuối kỳ, căn cứ vào phiếu xuất kho 69 (**biểu số 2.6**), 75 (**biểu số 2.7**) và kết quả tính toán đơn giá hàng xuất kho kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**biểu số 2.8**) và sổ cái TK 632 (**biểu số 2.9**)

Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.6 : Phiếu Xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển XD và VT Trường Phát

Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh Dương, Lê Chân, HP

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm

2016

Số: PX 00069

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NợTK 632

CóTK 156

Họ và tên nhận hàng: Công ty cổ phần tư vấn và phát triển Sông Hồng

Địa chỉ : số 131, phố Trường Lâm, tổ 7 p Đức Giang. q. Long Biên, tp Hà Nội

Lý do xuất kho: Bán gạch đặc

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch đặc		viên	10.000	10.000	660	6.600.000
	Cộng			10.000	10.000		6.600.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm đồng.

-Chứng từ gốc kèm theo

Ngày 03 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(họ và tên)

Người nhận hàng
(họ và tên)

Thủ kho
(họ và tên)

Kế toán trưởng
(họ và tên)

Giám đốc
(họ và tên)

Biểu số 2.7 : Phiếu Xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH
phát triển XD và VT
Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim
Tài, p Kênh Dương, Lê
Chân, HP

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 07 tháng 12 năm 2016
Số: PX 00075

Mẫu số 02-VT (Ban hành theo
QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

NợTK 632

CóTK 156

Họ và tên nhận hàng: Nguyễn Phú Lâm

Địa chỉ : số 34, Đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán đất núi

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đất núi	VT11	M ³	358	358	130.000	46.540.000
	Cộng			358	358		46.540.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng

-Chứng từ gốc kèm theo

Ngày 07 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(họ và tên)

Người nhận hàng
(họ và tên)

Thủ kho
(họ và tên)

Kế toán trưởng
(họ và tên)

Giám đốc
(họ và tên)

Biểu số 2.8 :Trích sổ Nhật ký chung năm

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải

Trường Phát

Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài,p Kênh Dương,Lê Chân,HP

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

03/12	PX 69	03/12	Giá vốn bán gạch đặc	632 156	6.600.000	6.600.000
03/12	HĐ713 PT130	03/12	Bán gạch đặc đã thu tiền	111 511 3331	11.000.000	10.000.000 1.000.000
07/12	PX 75	07/12	Giá vốn bán đất núi	632 156	46.540.000	46.540.000
07/12	HĐ721	07/12	Bán đất núi chưa thu tiền	131 511 3331	59.070.000	53.700.000 5.370.000
...
			Cộng phát sinh		39.304.554.363	39.304554.363

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH Phát triển XD Và VT Trường Phát

Mẫu số S03b – DNN

Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài.p Kênh Dương, q Lê Chân.HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
...
03/12	PX 69	03/12	Bán gạch đặc			156	3.360.000	
07/12	PX75	07/12	Bán đất núi			156	46.540.000	
...
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển giá vốn					5.969.691.334
			Cộng phát sinh				5.969.691.334	5.969.691.334
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán quản lý kinh doanh tại công ty TNHH phát triển xây dựng Trường Phát

2.2.3.1 Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí khấu hao TSCĐ.

Thuế, phí, lệ phí,...

Chi phí dự phòng.

Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, tiếp khách...

2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

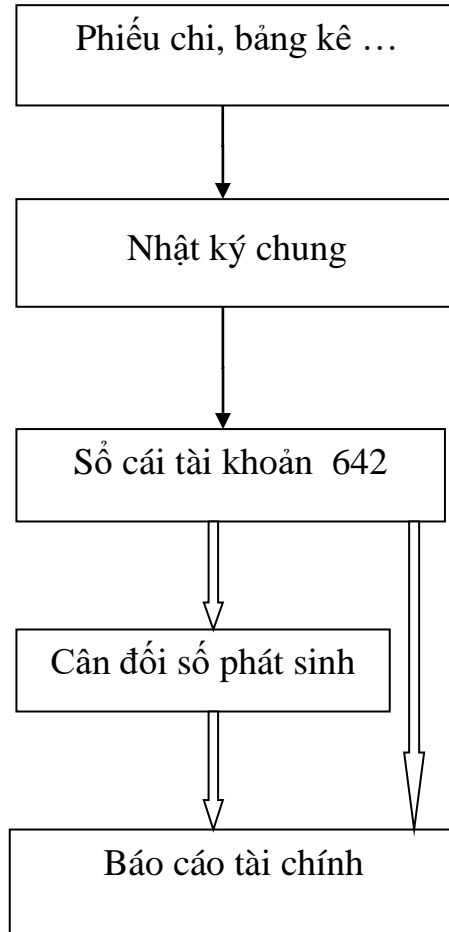
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.

2.2.3.3 Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

2.2.3.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7 : Trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.5. Ngày 1/10/2016 công ty mua 1 tủ lạnh Panasonic NRBX 418GWVN số tiền 17.690.000 (chưa VAT 10%) , thanh toán ngay bằng tiền mặt. Dự kiến phân bổ trong vòng 48 tháng .

Định khoản

a) Nợ TK 242 : 17.690.000

Nợ TK 133 : 1.769.000

Có TK 111 : 19.459.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000653 (**biểu số 2.10**), phiếu chi số 109 (**biểu số 2.11**), bảng phân bổ trả trước dài hạn (**Biểu số 2,12**)

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 00000653

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Tủ lạnh Panasonic NRBX 418 GWVN	Chiếc	1	17.690.000	17.690.000
Cộng tiền hàng:					17.690.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.769.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.459.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng. /.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 01 tháng 10 năm 2016

Mẫu số: 01/GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: 0000653

Đơn vị bán hàng: Siêu thị điện máy xanh

Mã số thuế:

Địa chỉ: Đường Trần Thành Ngọ, q Kiến An, tp Hải Phòng

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: ...công ty TNHH Phát Triển Xây dựng Và Vận Tải Trường Phát

Mã số thuế.....Điện thoại:

Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh Dương, q Lê Chân, tp Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt....; Số tài khoản:.....

Biểu số 2.11: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát Địa chỉ: Số 29 Ngô Kim tài, p Kênh dương, q Lê Chân,HP	Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) Số: PC000109
<p>PHIẾU CHI</p> <p><i>Ngày 01 tháng 10 năm 2016.</i></p>	
a) Nợ 242: 17.690.000 Nợ 1331: 1.769.000 Có 111: 19.459.000	
Họ và tên người nhận tiền: Siêu thị điện máy xanh Địa chỉ: Đường Trần Thành Ngọ , q Kiến An , TP. Hải Phòng Lý do chi : Thanh toán tiền mua tủ lạnh Số tiền: 19.459.000 (Viết bằng chữ): Mười chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng Kèm theo: HĐ 0000688 Chứng từ gốc	
<i>Ngày 01 tháng 10 năm 2016</i>	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Thủ quỹ (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.12 : Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

STT	Tên CCDC	Bộ phận sử dụng	Giá trị	Thời gian phân bổ (tháng)	Mức phân bổ kỳ này
...
13	Tủ lạnh Panasonic NRBX 418 GWVN	Văn phòng	17.690.000	48	368.542
...
	Tổng		82.050.000		4.560.000

Ví dụ 2.6. Ngày 31/10/2016 thanh toán tiền cước viễn thông tháng 10 /2016 Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000 697 (*biểu số 2.13*), phiếu chi số 110(*biểu số 2.14*) và các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 642:	650.600
Nợ TK 133:	65.060
Có TK 111:	715.660

Biểu số 2.13:Hóa đơn cước viễn thông tháng 10/2016

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)		Mẫu số::01GTKT3/001			
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Kí hiệu :AA/15P			
<i>(liên 2: Giao cho người mua)</i>		Số :0000697			
Ngày 31/10/2016					
Mã số thuế: 0200287977					
Đơn vị: Viễn thông Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng					
Điện thoại (04)33502782					
Tên đơn vị(Customer's name): Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát					
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài , Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.					
Mã số thuế: 0201714170					
Hình thức thanh toán: TM					
ST T	Dịch vụ sử dụng (KIND OF SERVICE)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kì cước tháng 11/2015				650.600
Cộng tiền hàng					650.600
Thuế suất GTGT : 10%					% Tiền thuế GTGT
					65.060
Tổng cộng tiền thanh toán					715.660
Số tiền ghi bằng chữ					Bảy trăm mười năm nghìn sáu trăm sáu mươi đồng./.

Biểu số 2.14 : Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát	Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)			
Địa chỉ: Số 29 Ngô Kim tài, p Kênh dương, q Lê Chân, HP	Số: PC000110 Nợ 642: 650.600 Nợ 133: 65.060 Có 111: 715.660			
PHIẾU CHI Ngày 31 tháng 10 năm 2016.				
Họ và tên người nhận tiền: Viễn thông HP				
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng				
Lý do : Thanh toán tiền cước viễn thông T10/2016				
Số tiền: 715.660				
(Viết bằng chữ): Bảy trăm mười năm nghìn sáu trăm sáu mươi đồng.				
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 10 năm 2016				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát
Địa chỉ: Số 29 Ngô Kim tài, p Kênh dương, q Lê Chân, HP

Mẫu số: 02 – TT
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
.....
01/10	PC 109	01/10	Thanh toán tiền mua tủ lạnh	242	17.690.000	
				133	1.769.000	
				111		19.459.000
....
31/10	Bảng PBCPT T số 05	31/10	Bảng phân bổ CPTT dài hạn	642	4.560.000	
				242		4.560.000
31/10	PC110	31/10	Thanh toán tiền cước viễn thông	642	650.600	
				133	65.060	
				111		715.660
.....
			Cộng phát sinh		39.304.554.363	39.304.554.363

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16. :Trích Sổ cái 642 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
 Trường Phát
Địa chỉ: Số 29 Ngô Kim tài, p Kênh dương, q Lê Chân, HP

Mẫu số: 02 – TT
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu:642

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
..
31/10	Bảng PB CPTT số 05	31/10	Bảng phân bổ CPTT dài hạn	242	4.560.000	
31/10	PC110	31/10	Thanh toán tiền cước viễn thông	111	650.600	
...		
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			273.540.300
			<u>Cộng số phát sinh</u>		273.540.300	273.540.300
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Sổ này có ..2.. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 2....

- Ngày mở sổ: .1/1/2016.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

- Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:
 - Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Sổ nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.
- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - Giấy báo Có của ngân hàng.

- Quy trình hạch toán:

Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515,112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong kỳ công ty không phát sinh các khoản chi phí lãi vay.

Ví dụ.2.7. Ngày 15/12/2016. Công ty nhận giấy báo có thông báo lãi nhập gốc tháng 4 năm 2016 số tiền 120.035

Định khoản:

Nợ TK 1121: 120.035

Có TK 515: 120.035

Căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (**biểu số 2.17**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.18**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.19**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17



GIẤY BÁO CÓ

Mẫu số: 01GTKT2/004

Ký hiệu:

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
Trường Phát

Số tài khoản: 2114201003925

Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh Dương, q Lê Chân, Hải
Phòng.

Loại tiền: VNĐ

Loại tài khoản: Lãi nhập gốc

Mã số thuế: 0201714170

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi nhập gốc	120.035
Tổng	120.035

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi nghìn không trăm ba mươi năm đồng.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát
 Địa chỉ: Số 29 Ngô Kim tài, p Kênh dương, q Lê Chân,HP

Mẫu số: 02 – TT
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

15/12	GBC	15/12	Lãi nhập gốc	1121	120.035	
				515		120.035

			Cộng phát sinh		39.304.554.363	39.304.554.363

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Trích Sổ cái 515 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh dương, q Lê Chân, HP.

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...
15/12	GBC	15/12	Lãi nhập gốc	1121		120.035
...
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính		3.125.353	
			Cộng số phát sinh		3.125.353	3.125.353
			<u>Số dư cuối năm</u>			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH Máy tính Ngọc Khuê xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả kinh} & & \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{doanh} & = & \text{kinh doanh} & + & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận thuần từ} & & \text{Lợi nhuận gộp về} & & \text{Doanh} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động kinh} & = & \text{bán hàng và cung} & + & \text{thu hoạt} & - & \text{tài} & - & \text{quản lý} \\ \text{doanh} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{động tài} & & \text{chính} & & \text{kinh} \\ & & & & \text{chính} & & & & \text{doanh} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} & = & \text{Doanh thu thuần về bán} & & \text{Giá vốn hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} & & \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & - & \text{bán} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

2.2.7.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

TK 821: Thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Ví dụ 2.9: Xác định kết quả kinh doanh năm 2016:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	:	6.166.846.010
Doanh thu tài chính	:	3.125.353
Thu nhập khác	:	
Giá vốn hàng bán	:	5.969.691.334
Chi phí quản lý kinh doanh	:	273.540.300

Kết quả kinh doanh = $(6.166.846.010 + 3.125.353) - (5.969.691.334 + 273.540.300) = -73.260.271$

⇒ Trong năm 2015 doanh nghiệp kinh doanh lỗ: 73.260.271

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 30, 31, 32, (**Biểu số 2.20, 2.21, 2.22**).

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.23**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.24**),, sổ cái TK 421 (**Biểu số 2.25**).

Biểu số 2.20: phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh Dương, q Lê Chân, HP.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc
-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2016

Số 30

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	6.166.846.010
2	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.125.353
	Cộng			6.169.971.363

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21: Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh Dương, q Lê Chân, HP.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc
-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2016

Số 31

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.969.691.334
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	273.540.300
	Cộng			6.243.231.634

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22: Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh Dương, q Lê Chân, HP.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc
-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2016

Số 32

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lỗ	421	911	73.260.271
	Cộng			73.260.271

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
 Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh dương, q Lê Chân, HP.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 Độc lập – tự do – hạnh phúc
 -----***-----

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
...
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển	511	6.166.846.010	
			DTBH	911		6.166.846.010
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển DT	515	3.125.353	
			HĐTC	911		3.125.353
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển giá	911	5.969.691.334	
			vốn hàng bán	632		5.969.691.334
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển	911	273.540.300	
			CPQLDN	642		273.540.300
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển lỗ	421	73.260.271	
				911		73.260.271
			Cộng phát sinh		39.304.554.363	39.304.554.363

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24: Trích sổ cái 911

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
 Trường Phát
 Địa chỉ: số 29 Ngô Kim Tài, p Kênh dương, q Lê Chân, HP.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 Độc lập – tự do – hạnh phúc
 -----***-----

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ	Diễn giải		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển DT bán hàng	511		6.166.846.010
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515		3.125.353
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	5.969.691.334	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	273.540.300	
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển lỗ	421		73.260.271
			Cộng phát sinh		6.243.231.634	6.243.231.634
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Trích sổ cái 421

Đơn vị: Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải
Trường Phát
Địa chỉ: số 29 Ngõ Kim Tài, p Kênh Dương, q Lê Chân, HP.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc
-----***-----

SỔ CÁI

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		6.685.036	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển lỗ	911	73.260.271	
			Cộng phát sinh		79.945.307	
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Từ các công thức và số liệu tổng hợp, kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH PT XD và VT Trường Phát

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2016

Đơn vị tính :

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng	01	IV.08	6,166,846,010	5,583,244,001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6,166,846,010	5,583,244,001
4. Giá vốn hàng bán	11		5,969,691,334	5,451,977,275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		197,154,676	131,266,726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,125,353	629,933
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		-	
- Trong đó chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		273,540,300	138,581,695
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(73,260,271)	(6,685,036)
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(73,260,271)	(6,685,036)
14. Chi phí thuế TNDN	51		-	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(73,260,271)	(6,685,036)

Ngày 31 tháng 12 năm

2016

CHƯƠNG 3:
CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ
TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY
DỰNG VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG PHÁT

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.

3.1.1. Kết quả đạt được :

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp.

Ưu điểm :

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của công ty có 4 người rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán :

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

- Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty :

+) Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+) Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm , công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

3.2.1 Thứ nhất: Chưa mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn

3.2.2 Thứ hai : Chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo doanh thu thuần.

3.2.3 Thứ ba : Chưa xây dựng về chiết khấu thanh toán cho khách hàng trả nợ trước dài hạn

3.2.4 Thứ tư: Chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát.

3.3.1 Giải pháp 1: Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán

Hiện tại doanh nghiệp mới chỉ mở sổ cái Tk 511 và Tk 632 trong khi kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau . Vì vậy để theo dõi được đầy đủ và chi tiết về doanh thu, giá vốn và kết quả kinh doanh của từng mặt hàng thì doanh nghiệp nên mở thêm hệ thống sổ chi tiết về doanh thu và giá vốn hàng bán

Việc mở thêm sổ:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết giá vốn dùng cho hoạt động bán gạch đặc:

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Mặt hàng: gạch đặc

Tháng 12/2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
18/12	PT145	18/12	Bán gạch đặc	111		15.900.000
...
20/12	HĐ733	20/12	Bán gạch đặc	131		11.000.000
...
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu gạch đặc	911	206.010.000	
			Cộng SPS		206.010.000	206.010.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2 Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Tháng 12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	Tên mặt hàng	Số tiền	
		Nợ	Có
1	Gạch đặc	206.010.000	206.010.000
2	Đất núi	85.120.000	85.120.000
...
	Tổng	600.453.040	600.453.040

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.3 :Sổ chi tiết giá vốn

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Mặt hàng: Gạch đặc

Tháng 12/2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
18/12	PX85	18/12	Xuất bán gạch đặc	156	9.850.000	
...
20/12	PX87	20/12	Xuất bán gạch đặc	156	6.000.000	
...
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển giá vốn gạch đặc	911		135.966.600
			Cộng SPS		135.966.600	135.966.600

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4: Bảng tổng hợp giá vốn

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN

Tháng 12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	Tên mặt hàng	Số tiền	
		Nợ	Có
1	Gạch đặc	135.966.600	135.966.600
2	Đất núi	45.023.200	45.023.200
...
	Tổng	389.056.200	389.056.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán mở chi tiết cho từng loại mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng X} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng X}$$

Ví dụ: Phân bổ chi phí gạch đặc

- Doanh thu thuần gạch đặc: 206.010.000
- Giá vốn hàng bán gạch đặc: 135.966.600
- Chi phí quản lý kinh doanh của tất cả các mặt hàng: 273.540.300

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho gạch đặc} = \frac{273.540.300}{6.166.846.010} \times 206.010.000 = 9.137.986$$

Biểu số 3.5: Bảng chi tiết kết quả kinh doanh của từng mặt hàng trong doanh nghiệp

BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG MẶT HÀNG

Năm 2016

STT	Tên hàng hóa	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng	Kết quả kinh doanh	Ghi chú
1	Gạch đặc	206.010.000	135.966.600	70.043.400	9.137.986	60.905.414	
...	
	Tổng cộng	6.166.846.010	5.969.691.334	197.154.676	273.540.300	(76.385.624)	

3.3.3 Giải pháp 3 : Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng.

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán , bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

+ Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể kham khảo của một số doanh nghiệp cũng khối ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả trước nợ và tỉ lệ lãi suất ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

+ Phương pháp hạch toán:

○ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

○ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

Ví dụ: Ngày 16/11/2016, công ty xuất bán 25.000 gạch đặc cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thăng Long tổng số tiền là 33.000.000 đồng(bao gồm VAT 10 %). Thời hạn thanh toán là 16/12/2016. Đến ngày 06/12/2016, khách hàng thanh toán hết tiền hàng bằng chuyển khoản.

Từ ví dụ trên, vậy Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thăng Long đã thanh toán sớm 10 ngày, nên được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0.6%.

$$\text{➤ Số tiền chiết khấu} = 33.000.000 * \frac{0.6\% * 10}{30} = 66.000 \text{ đồng.}$$

Kế toán định khoản như sau:

Chiết khấu thanh toán áp dụng cho khách hàng:

Nợ 635: 66.000

Có 111: 66.000

Kết chuyển:

Nợ 911: 66.000

Có 635: 66.000

Biểu số 3.6 :Sổ cái TK 635

Công ty TNHH PTXD và VT Trường Phát
Số 29 Ngô Kim Tài-p Kênh Dương- q Lê Chân- tp
Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

635 – Chi phí tài chính

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
06/12	PT135	06/12	Chiết khấu thanh toán	111	66.000	
....
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		3.233.358
			Cộng số phát sinh		3.233.358	3.233.358
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.3.4 Giải pháp 4: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán.

Trong nền kinh tế thị trường càng ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phát triển khiến nhu cầu nhận và xử lý thông tin cũng trở nên khó khăn, phức tạp nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức.

Phần mềm kế toán cung cấp nhanh chóng bất cứ thông tin nào về số liệu và báo cáo kế toán, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu đối với các khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như : MISA SME.NET2012, FAST,DMA,ASOFT,METADATA, G9,...

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán như sau :

- Được tiêu chuẩn nhiều lần: phần mềm kế toán được xây dựng dựa trên khối thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành.

- Hiệu quả vượt trội, tính năng cao: phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công. Phần mềm cho phép thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kì dựa trên các thông tin khai báo, cũng có thể dễ dàng sửa chữa khi có sai sót.

- Đơn giản, đầy đủ, dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng nhưng có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người sử dụng xem từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất cứ thời điểm nào.

- Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối: Phần mềm kế toán có tính bảo mật rất cao, giúp bảo vệ dữ liệu cho người sử dụng.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp của Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp, sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty trong nước và nước ngoài. Vì vậy việc phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng và phân tích báo cáo tài chính nói chung là hết sức quan trọng, cần thiết. Hoạt động này nhằm đánh giá thực trạng tài chính công ty để từ đó đưa ra được các quyết định đúng đắn, phù hợp, kịp thời. Hơn nữa, những thông tin do phân tích bảng cân đối kế toán còn đem lại còn rất hữu ích với nhiều chủ thể trong nền kinh tế trong việc đưa ra quyết định.

Qua việc nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tế công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát đã giúp em có cái nhìn sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc phân tích các chỉ tiêu thông qua bảng cân đối kế toán. Để việc phân tích đạt được hiệu quả cao thì cần phải có hệ thống báo cáo tài chính trung thực, đầy đủ và chính xác vì nếu việc phân tích dựa trên thông tin sai lệch sẽ đưa ra các quyết định thiếu chính xác.

Trong thời gian nghiên cứu, mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng do trình độ kiến thức có hạn, chưa có kinh nghiệm nên bài báo cáo của em sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn **Thạc sĩ Phạm Văn Tường** và các anh chị tại phòng kế toán công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát đã hướng dẫn, giúp đỡ và tạo điều kiện để em có thể hoàn thiện đề tài này.

Sinh viên

Bùi Thị Hiền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Doanh nghiệp.
2. Bộ Tài chính (2003), *Chuẩn mực Kế toán số 21- Trình bày Báo cáo Tài chính*, theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
3. Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.
4. Công ty TNHH phát triển xây dựng và vận tải Trường Phát - Tài liệu, sổ sách, Báo cáo tài chính 2016.